

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang

Ngày 17/7/2019, Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 975/STC-QLNS ngày 15/7/2019 của Sở Tài chính về việc đề nghị thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (*dự thảo Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang*).

Căn cứ Điều 130 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Giám đốc Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 118/QĐ-STP ngày 06/8/2019 thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang (*viết tắt là Hội đồng tư vấn thẩm định*), do Giám đốc Sở Tư pháp là Chủ tịch Hội đồng; Các thành viên Hội đồng gồm đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; Hội Luật gia tỉnh Tuyên Quang; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang; Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố; Chuyên viên phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp.

Ngày 09/8/2019, Hội đồng tư vấn thẩm định đã họp và cho ý kiến thẩm định dự thảo Quyết định. Trên cơ sở kết quả cuộc họp Hội đồng tư vấn thẩm định và kết quả nghiên cứu độc lập, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
- Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường (*viết tắt là Nghị định số 19/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung*);
- Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (*viết tắt là Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg*);

- Thông tư số 132/2015/TT-BTC ngày 28/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

- Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

- Thông tư 03/2017/TT-BTNMT ngày 21/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (*viết tắt là Thông tư 03/2017/TT-BTNMT*);

- Quyết định số 889/QĐ-BTNMT ngày 15/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam;

- Một số văn bản, tài liệu khác có liên quan.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)

1. Dự thảo Quyết định

- Về căn cứ ban hành: Có 03 văn bản quy phạm pháp luật đưa vào làm căn cứ ban hành nhưng không liên quan trực tiếp nội dung văn bản, gồm: (1) *Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam*; (2) *Thông tư số 132/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam*; (3) *Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 6 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường*; *Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 6 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường*, vì vậy, đề nghị bỏ và chỉ sử dụng làm căn cứ để tham khảo trong quá trình soạn thảo.

- Nội dung các Điều:

+ Điều 2: Đề nghị chỉnh sửa tên điều từ “*Điều khoản thi hành*” thành “*Tổ chức thực hiện*”.

+ Điều 3: Đề nghị chỉnh sửa tên điều từ “*Tổ chức thực hiện*” thành “*Điều khoản thi hành*”; sửa từ “*thay thế*” thành “*bãi bỏ*” tại khoản 2, bỏ từ “*Quyết định này*” tại khoản 2 và khoản 3.

- Đề nghị sửa địa chỉ nơi nhận “*Bộ Tư pháp*” thành “*Bộ Tài nguyên và Môi trường*” và bổ sung nơi nhận là “*Vụ Pháp chế- Bộ Tài nguyên và Môi trường*”.

2. Dự thảo Quy chế

2.1. Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng), khoản 1 quy định:

“1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là Quỹ), bao gồm: vị trí và chức năng, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn, bộ máy quản lý điều hành, nguồn vốn hoạt động của Quỹ”.

Phạm vi điều chỉnh nêu trên là chưa đầy đủ, thống nhất với nội dung của dự thảo Quy chế vì ngoài quy định về *“vị trí và chức năng, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn, bộ máy quản lý điều hành, nguồn vốn hoạt động của Quỹ”* thì nội dung dự thảo Quy chế còn quy định về *“cơ chế hoạt động, tổ chức bộ máy, thu chi tài chính, chế độ kế toán và báo cáo tài chính”*, vì vậy, đề nghị bổ sung, chỉnh sửa cho thống nhất.

2.2. Điều 2 (Vị trí và chức năng)

Khoản 1 và 2 quy định lại Điều 1 Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang, trong khi đó dự thảo Quyết định không bãi bỏ nội dung nêu trên tại Điều 1 Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND, vì vậy đề nghị điều chỉnh cho phù hợp.

2.3. Điều 4 (Nhiệm vụ của Quỹ)

Khoản 6 quy định nhiệm vụ của Quỹ *“Nhận ký quỹ bảo đảm phé liệu nhập khẩu đối với các tổ chức và cá nhân trong nhập khẩu phé liệu”*.

Điểm b khoản 1 Điều 57 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phé liệu (*sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP*) quy định Ký quỹ bảo đảm phé liệu nhập khẩu:

“b) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phé liệu thực hiện ký quỹ tại tổ chức tín dụng nơi tổ chức, cá nhân mở tài khoản giao dịch (sau đây gọi tắt là ký quỹ). Việc ký quỹ thực hiện theo từng lô hàng hoặc theo từng hợp đồng có thông tin và giá trị của lô hàng phé liệu nhập khẩu”.

Như vậy, theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP thì việc Ký quỹ bảo đảm phé liệu nhập khẩu thực hiện tại *“tổ chức tín dụng nơi tổ chức, cá nhân mở tài khoản giao dịch”*, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang không phải là tổ chức tín dụng nên việc quy định nhiệm vụ của Quỹ nhận Ký quỹ bảo đảm phé liệu nhập khẩu là chưa phù hợp, đề nghị điều chỉnh và rà soát chỉnh sửa các nội dung tương tự, có liên quan tại dự thảo Quy chế cho phù hợp.

2.4 Điều 6 (Nguồn vốn)

- Khoản 1 Điều này quy định *“1. Vốn điều lệ của Quỹ do ngân sách nhà nước cấp tùy vào tình hình thực tế của ngân sách địa phương. Vốn điều lệ của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ sau khi thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Giám đốc Sở Tài chính”*.

Khoản 1 Điều 7 dự thảo Quy chế quy định “*Đối với vốn điều lệ: Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp vốn điều lệ tùy vào tình hình thực tế của ngân sách địa phương (nếu có) cho Quỹ vào tài khoản của Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước theo các quy định của Luật Ngân sách và các quy định của pháp luật khác*”.

Theo khoản 1 Điều 6 thì vốn điều lệ của Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định nhưng tại khoản 1 Điều 7 vốn điều lệ của Quỹ do UBND tỉnh quyết định; khoản 1 Điều 6 quy định vốn điều lệ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị nhưng khoản 1 Điều 7 quy định do Sở Tài chính trình. Như vậy, khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 7 dự thảo Quy chế là không thống nhất.

2.5. Điều 7 (Cấp phát, quản lý vốn), khoản 2 quy định:

“2. Đối với vốn hoạt động bổ sung từ tiền bồi thường cho Nhà nước về thiệt hại môi trường và tiền phí bảo vệ môi trường:

- Đối với ngân sách tỉnh: Hàng quý, bộ phận nghiệp vụ Quỹ đối chiếu xác nhận các khoản tiền bồi thường cho Nhà nước về thiệt hại môi trường, tiền phí bảo vệ môi trường do các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách tỉnh với Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cấp kinh phí bổ sung theo quy định, chuyển vào tài khoản của Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc các Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

- Đối với ngân sách huyện: Hàng quý, phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố đối chiếu xác nhận các khoản tiền bồi thường cho Nhà nước về thiệt hại môi trường, tiền phí bảo vệ môi trường do các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách huyện với Kho bạc Nhà nước huyện, thành phố trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xem xét quyết định cấp kinh phí bổ sung theo quy định, chuyển vào tài khoản của Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc các Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật”.

Tuy nhiên, Điều 5 Thông tư số 132/2015/TT-BTC (quy định chi tiết Điều 7 Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg) quy định:

“2. Vốn hoạt động bổ sung hàng năm từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước chi sự nghiệp môi trường cấp bù kinh phí tài trợ cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã thực hiện hàng năm và bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ BVMTVN;

b) Các khoản bồi thường thiệt hại về môi trường và đa dạng sinh học nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Lệ phí bán, chuyển các chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) thu được từ các dự án CDM thực hiện tại Việt Nam;

d) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;

đ) Bổ sung từ chênh lệch thu chi hàng năm theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 15 Thông tư này;

e) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật”.

Khoản 2 Điều 12 Luật phí, lệ phí năm 2015 quy định

“Điều 12. Thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí trên cơ sở dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước”.

Khoản 2, khoản 4 Điều 8 Luật ngân sách năm 2015 quy định nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước:

“2. Toàn bộ các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán, tổng hợp đầy đủ vào ngân sách nhà nước.

4. Các khoản chi ngân sách chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao và phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Ngân sách các cấp, đơn vị dự toán ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách không được thực hiện nhiệm vụ chi khi chưa có nguồn tài chính, dự toán chi ngân sách làm phát sinh nợ khối lượng xây dựng cơ bản, nợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên”.

Từ các căn cứ nêu trên nhận thấy, tiền phí bảo vệ môi trường là khoản thu phí nộp vào ngân sách nhà nước, vì vậy việc bổ sung Quỹ từ tiền phí bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, dự thảo quy định bộ phận nghiệp vụ Quỹ/ phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thành phố đối chiếu xác nhận... tiền phí bảo vệ môi trường do các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách... trình UBND tỉnh/ UBND cấp huyện xem xét quyết định cấp kinh phí bổ sung là chưa phù hợp, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa.

2.6. Điều 8 (Đối tượng được hỗ trợ tài chính và các hình thức hỗ trợ tài chính) quy định:

“1. Đối tượng được hỗ trợ tài chính từ Quỹ

a) Các tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án đầu tư hoặc phương án đề nghị tài trợ thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; các dự án đầu tư thực hiện việc phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang hoặc giải quyết các vấn đề môi trường cục bộ nhưng có phạm vi ảnh hưởng lớn, các hạng mục nhằm bảo vệ môi trường thuộc các chương trình, nhiệm vụ, dự án.

b) *Đối tượng được hỗ trợ tài chính phải đáp ứng các quy định cho từng hình thức hỗ trợ quy định tại Quy chế này.*

2. *Hình thức hỗ trợ: Quỹ hỗ trợ tài chính cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này dưới các hình thức:*

a) *Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi các dự án về bảo vệ môi trường.*

b) *Hỗ trợ lãi suất vay vốn các dự án về bảo vệ môi trường.*

c) *Tài trợ, đồng tài trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường: Xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường, thiên tai gây ra, các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về quản lý, khai thác tài nguyên và môi trường; thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; hỗ trợ trao các giải thưởng về môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường.*

d) *Thực hiện các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.*

đ) *Thực hiện các khoản chi khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”.*

Các hình thức hỗ trợ nêu trên chưa thể hiện đối tượng, hình thức hỗ trợ “Chi hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về dự án đầu tư theo Cơ chế phát triển sạch (CDM); xem xét, phê duyệt tài liệu dự án CDM; quản lý và giám sát dự án CDM” tại điểm b khoản 7 Điều 4 dự thảo Quy chế này.

2.7. Điều 9 (Cho vay với lãi suất ưu đãi)

- Khoản 1 và khoản 3 quy định:

“1. *Đối tượng được vay vốn với lãi suất ưu đãi là các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, có nhu cầu và đề nghị vay vốn để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 8 Quy chế này.*

2. *Quỹ cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả và có lãi. Các đối tượng vay vốn phải có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay, sử dụng vốn vay đúng mục đích.*

3. *Mức vốn cho vay và thẩm quyền quyết định cho vay.*

a) *Mức vốn cho vay của một dự án không được vượt quá 70% (Bảy mươi phần trăm) tổng mức đầu tư của dự án.*

b) *Thẩm quyền quyết định cho vay: Hội đồng quản lý Quỹ quy định mức vốn cho vay trong từng thời kỳ đối với từng nhóm đối tượng vay và Giám đốc Quỹ quyết định cho vay đối với từng dự án. Với mức vay từ 200 triệu đồng trở lên Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định. Với mức vay nhỏ hơn 200 triệu đồng Giám đốc Quỹ xem xét Quyết định và chịu trách nhiệm toàn diện*

quyết định của mình đối với số tiền cho vay và thu hồi tiền vay, đồng thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định.

5. Lãi suất cho vay: Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay cụ thể trong từng thời kỳ. Lãi suất cho vay của Quỹ là lãi suất ưu đãi với lãi suất tối đa không vượt quá 50% mức lãi suất cho vay thông thường bình quân của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh công bố cùng thời kỳ”.

Tuy nhiên, khoản 1 Điều 42 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung quy định:

“Điều 42. Ưu đãi về huy động vốn đầu tư

1. Ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường địa phương và các tổ chức tín dụng khác:

a) Chủ đầu tư dự án thực hiện hoạt động quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Phụ lục III Nghị định này nếu áp dụng công nghệ xử lý có tỷ lệ chất thải phải chôn lấp sau xử lý dưới 30% trên tổng lượng chất thải rắn thu gom thì được vay vốn với lãi suất ưu đãi tối đa không quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay, tổng mức vay vốn không quá 80% tổng mức đầu tư xây dựng công trình; được ưu tiên hỗ trợ sau đầu tư hoặc bảo lãnh vay vốn;

b) Chủ đầu tư dự án thực hiện các hoạt động quy định tại Phụ lục III Nghị định này mà không thuộc Điểm a Khoản 1 Điều này được vay vốn với lãi suất ưu đãi tối đa không quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay, tổng mức vay vốn không quá 70% tổng mức đầu tư xây dựng công trình; được ưu tiên hỗ trợ sau đầu tư hoặc bảo lãnh vay vốn”.

- Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có Thông tư 03/2017/TT-BTNMT ngày 21/3/2017 Hướng dẫn việc cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu khoản 1 Điều 42 nêu trên, Thông tư 03/2017/TT-BTNMT để chỉnh sửa đối tượng cho vay, mức vốn cho vay và lãi suất cho vay cho phù hợp.

2.8. Điều 10 (Hỗ trợ lãi suất vay vốn)

Khoản 2, điểm a khoản 3 quy định:

“2. Nguyên tắc xác định và cấp hỗ trợ lãi suất:

a) Chủ đầu tư chỉ được nhận hỗ trợ lãi suất đối với số vốn vay đầu tư tại các tổ chức tín dụng trong phạm vi tổng mức đầu tư của dự án vào lĩnh vực môi trường. Chủ đầu tư không được hỗ trợ lãi suất đối với khoản nợ quá hạn của dự án.

b) Chỉ hỗ trợ lãi suất khi dự án đầu tư vào lĩnh vực môi trường đã hoàn thành đưa vào sử dụng và hoàn trả được vốn vay cho các tổ chức tín dụng.

c) Dự án được cơ quan nhà nước về môi trường Trung ương hoặc tỉnh Tuyên Quang xác nhận đã thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc giải quyết các vấn đề về môi trường.

3. Mức hỗ trợ lãi suất:

a) *Mức hỗ trợ lãi suất: Do Hội đồng quản lý Quỹ quy định, nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay ưu đãi tại thời điểm ký hợp đồng hỗ trợ lãi suất quy định tại Điều 9 của Quy chế này*”.

Điều 4, Điều 9 Thông tư 03/2017/TT-BTNMT quy định:

“Điều 4. Nguyên tắc vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư

1. Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường.

2. Hoàn trả vốn vay đầy đủ, đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường.

3. Chủ đầu tư chỉ được nhận hỗ trợ lãi suất sau đầu tư một lần đối với số vốn vay đầu tư (không bao gồm các khoản nợ quá hạn) trong phạm vi tổng mức đầu tư của một dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Lãi suất

1. Lãi suất vay do Quỹ BVMTVN quy định nhưng không vượt quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay.

2. Đối với một dự án, lãi suất vay vốn được xác định tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường và cố định trong suốt thời gian vay.

3. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn ghi trong Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường, được tính trên số nợ gốc và lãi chậm trả”.

- Quy định điều kiện hỗ trợ lãi suất khi dự án đầu tư “hoàn trả được vốn vay cho các tổ chức tín dụng” tại điểm b khoản 2 nêu trên là chưa phù hợp với Điều 4, Điều 9 Thông tư 03/2017/TT-BTNMT, chưa hợp lý, làm giảm hiệu quả, ý nghĩa của hoạt động hỗ trợ.

- Quy định “Dự án được cơ quan nhà nước về môi trường Trung ương hoặc tỉnh Tuyên Quang xác nhận đã thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc giải quyết các vấn đề về môi trường”.

Tuy nhiên, hiện nay pháp luật bảo vệ môi trường chỉ quy định “giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án”¹, không quy định việc cấp giấy “xác nhận đã thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc giải quyết các vấn đề về môi trường”, nên quy định tại điểm c khoản 2 nêu trên làm phát sinh thủ tục hành chính là xin giấy “xác

¹ Điều 17 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

nhận đã thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc giải quyết các vấn đề về môi trường". Hơn nữa, quy định trên cũng chưa quy định cơ quan nào là cơ quan cấp giấy xác nhận. Ngoài ra, việc xác nhận dự án/ công trình đã "*thực hiện hiệu quả*" nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc giải quyết các vấn đề về môi trường nhưng pháp luật hiện hành cũng chưa quy định tiêu chí đánh giá như thế nào là "*thực hiện hiệu quả*" nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc giải quyết các vấn đề về môi trường, nên chưa có cơ sở cụ thể để đánh giá, việc đánh giá mang tính chủ quan của cơ quan quản lý nhà nước là chưa hợp lý.

- Khoản 3, đề nghị bổ sung quy định cụ thể mức hỗ trợ lãi suất và không chế số tiền tối đa được hưởng hỗ trợ lãi suất vay vốn.

2.9. Điều 12 (Nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường)

Điều này quy định lại và chưa chính xác quy định tại Điều 8 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP (*sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP*), khoản 4, khoản 5 Điều 10 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP (*sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP*), vì vậy đề nghị bỏ.

2.10. Điểm b khoản 1 Điều 16 dự thảo Quy chế quy định "*b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, kiêm Giám đốc Quỹ là Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường*"; khoản 1, điểm a quy định Điều 17 dự thảo Quy chế quy định "*1. Cơ cấu tổ chức: Bộ phận điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc, Kế toán và bộ phận chuyên môn nghiệp vụ*;

a) Giám đốc Quỹ là Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;...”.

Đề nghị cân nhắc quy định "*Giám đốc Quỹ là Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường*", vì Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường là Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ, nếu quy định như dự thảo sẽ không hợp lý trong việc lãnh đạo, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra việc thực hiện quyền và trách nhiệm của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường với trách nhiệm "*hai vai*" nêu trên. Vì vậy, để thực hiện tốt cơ chế "*kiểm soát quyền lực*" thì nên quy định Giám đốc Quỹ là Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phụ trách lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2.11. Điều 17 (Bộ phận điều hành nghiệp vụ Quỹ)

Khoản 2, điểm g đề nghị thay từ "*Điều lệ này*" thành "*Quy chế này*".

2.12. Điều 21 (Chi hoạt động của Quỹ)

- Khoản 1:

+ Điểm 1.1 quy định "*1.1. Chi trả phụ cấp kiêm nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản lý, đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động Quỹ (mức phụ cấp của từng thành viên do Hội đồng quản lý Quỹ Quyết định)*".

Tuy nhiên, khoản 1 Điều 3 Quy chế này quy định "*1. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn vốn điều lệ (nếu có) và tự bù*

đắp chi phí quản lý, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về ngân sách nhà nước”.

Hơn nữa, thành viên Hội đồng quản lý, đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động Quỹ theo Điều 16, Điều 17 Quy chế này là cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, vì vậy đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

+ Đề nghị bổ sung định mức chi tối đa/ năm cho hoạt động quản lý Quỹ.

- Khoản 4 quy định “Chi khen thưởng cho các tổ chức và các cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ môi trường theo quy định của Luật thi đua khen thưởng” là chưa phù hợp với Điều 64, Điều 67 Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ hướng dẫn Luật thi đua, khen thưởng quy định:

“Điều 64. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Lập quỹ thi đua, khen thưởng để tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện chính sách, chế độ về khen thưởng.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành từ ngân sách nhà nước, từ quỹ khen thưởng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Nghiêm cấm sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng vào mục đích khác.

Điều 67. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng phối hợp với cơ quan tài chính cấp đó quản lý. Đối với cấp tỉnh, nguồn kinh phí chi cho công tác thi đua, khen thưởng do Ban Thi đua - Khen thưởng của tỉnh phối hợp với cơ quan tài chính cấp tỉnh quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan các cấp chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán chi theo quy định.

Các tập thể, cá nhân thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng thì bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương đó có trách nhiệm chi thưởng từ ngân sách nhà nước của cấp mình và hạch toán chi thành mục riêng.

Cá nhân được nhận danh hiệu Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sỹ, Nghệ nhân (nhân dân và ưu tú) thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, phong tặng thì bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương đó chi trả tiền thưởng và hạch toán chi thành mục riêng”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng để quy định cho phù hợp, quản lý, sử dụng Quỹ đúng mục đích, đúng quy định.

2.13. Điều 25 (Chế độ báo cáo), đề nghị nghiên cứu quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước đề quy định cho phù hợp.

3. Thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

Đề nghị rà soát chỉnh sửa các lỗi chính tả và thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; việc viện dẫn, dẫn chiếu các quy định khác trong cùng dự thảo văn bản và các văn bản pháp luật khác phải chính xác, đúng quy định.

4. Cơ quan soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4, khoản 9 Điều 8 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương² và điểm k khoản 8 Điều 2 Thông tư liên tịch 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh³ thì Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan **giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường của địa phương**.

Tại khoản 24 Điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP quy định “2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường”.

Ở Trung ương thì Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2014 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

² Điểm a khoản 1 Điều 4, Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, quy định:

“- Nhiệm vụ, quyền hạn của sở: **Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao** (điểm a khoản 1 Điều 4).

- 9. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; **môi trường**; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo (đối với các tỉnh có biển, đảo)(khoản 9 Điều 8)”.

³ Điểm k khoản 8 Điều 2 Thông tư liên tịch 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quy định:

“Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

8. Về môi trường:

k) Tổ chức thực hiện việc chi trả dịch vụ môi trường liên quan đến đa dạng sinh học, bồi thường và phục hồi môi trường, thu phí và lệ phí bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật; **giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường của địa phương (nếu có)**”.

Từ các vấn đề nêu trên thì cơ quan tham mưu soạn thảo, trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định là Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính chỉ là cơ quan phối hợp.

III. KẾT LUẬN

1. Đề nghị Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chịu trách nhiệm trình UBND tỉnh ban hành văn bản này.

2. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường địa phương làm cơ sở pháp lý, đồng thời nghiên cứu pháp luật hiện hành và tiếp thu ý kiến thẩm định tại Phần II Báo cáo thẩm định này để chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh ban hành văn bản theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
 - Sở Tài chính;
 - Sở Tài nguyên và Môi trường;
 - Giám đốc Sở;
 - Trang TTĐT STP;
 - Lưu VT, XD&KTVB.
- Loan.4b.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược